

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 05-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Siu Thun Phrào.
- Ông Chu Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1; địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, A T, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Quang H - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 Chi nhánh P

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn H1 - Giám đốc Phòng G thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 Chi nhánh P1; địa chỉ: G H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 944/QĐ-BIDV.PNU ngày 29/8/2022 của Người đứng đầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 Chi nhánh P1). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1986 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm

1991; địa chỉ: **Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** (sau đây gọi tắt là **B**) thông qua người đại diện hợp pháp trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8813472/HĐTD ngày 05/6/2018, Giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/8813472/HĐTD ngày 26/4/2019 ký kết giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 Chi nhánh P1 - Phòng G** (sau đây gọi tắt là **B**) và ông **Võ Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị T1**, **B** đã cho ông **Đ**, bà **T1** vay số tiền gốc 180.000.000 đồng. Mục đích vay: Chăm sóc tiêu, cà phê. Thời hạn cho vay: 11 tháng, kể từ ngày 05/5/2019 đến ngày 05/4/2020. Lãi suất cho vay: Lãi suất khi cho vay là 10,2%/năm và được cố định đến ngày 31/7/2019; từ ngày 01/8/2019 trở đi, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 06 tháng trả lãi cuối kỳ do **B** công bố hiện hành (+) phí Ngân hàng là 4,9%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 của tháng cuối quý (khi lãi suất tiết kiệm 06 tháng trả lãi cuối kỳ của **B** công bố có hiệu lực từ ngày 01 của tháng cuối quý có sự thay đổi) có sự thay đổi và tuân thủ quy định về mức lãi suất của **B** theo từng thời kỳ, nhưng không thấp hơn lãi suất tại thời điểm cho vay; trường hợp Ngân hàng áp dụng chính sách giảm lãi suất thấp hơn so với các mức quy định trên, Ngân hàng sẽ thông báo cụ thể cho khách hàng mà không cần ký Phụ lục hợp đồng; lãi suất cho vay hiện tại là 10,4%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn, trường hợp lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn được tính theo lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông **Đ**, bà **T1** đã thế chấp cho **B** các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình gồm:

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 68, địa chỉ: **Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**, diện tích 5.577m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến tháng 7/2066, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 608872 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/7/2016 mang tên ông **Võ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T1**.

- Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 67, địa chỉ: **Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**, diện tích 3.010,9m² đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến tháng 7/2066, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 608871 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai cấp ngày 21/7/2016 mang tên ông **Võ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T1**.

Các tài sản trên được thế chấp cho **B** theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8813472/HĐBĐ ngày 05/8/2016, Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng

thế chấp bất động sản số 01/2016/8813472/HĐBĐ ngày 05/8/2016 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 05/8/2016 tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện C.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đến kỳ hạn trả nợ lãi ngày 05/4/2020, ông Đ, bà T1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho B nên B đã chuyển nợ quá hạn, đồng thời áp dụng nhiều biện pháp đôn đốc, nhắc nhở, làm việc trực tiếp với khách hàng nhưng không đạt kết quả.

Căn cứ các nội dung nêu trên, B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh giải quyết các vấn đề như sau:

- Buộc ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1 phải liên đới thanh toán cho B số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt tạm tính đến ngày xét xử 05/4/2-24 là 296.280.487 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 180.000.000 đồng, nợ lãi 116.280.487 đồng và toàn bộ lãi, lãi phạt phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông Đ, bà T1 thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với B.

- Trường hợp ông Đ, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì B có quyền yêu cầu xử lý các tài sản khác của ông Đ, bà T1 để thu hồi nợ.

- Buộc ông Đ, bà T1 phải liên đới thanh toán lại cho B chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, B không yêu cầu ông Đ, bà T1 phải trả lãi chậm trả đối với số tiền này và yêu cầu ông Đ, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn ông Võ Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ, bà T1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến, giao nộp tài liệu, chứng cứ, tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đ, bà T1 đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày, phản đối yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do B giao nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa về cơ bản được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù có một số vi phạm về thủ tục tố tụng nhưng không nghiêm trọng, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số

tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nơi cư trú của bị đơn, đồng thời là nơi hợp đồng được giao kết, thực hiện, vụ án không có yếu tố nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

[2] Theo kết quả xác minh của Tòa án thì ông **Võ Văn Đ** hiện nay vẫn cư trú tại **thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai**. Bà **Võ Thị T2** đã xuất cảnh ra nước ngoài vào ngày 26/5/2023 và chưa nhập cảnh trở lại Việt Nam nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể của bà **T2** ở nước ngoài. Bà **T2** thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** biết về địa chỉ nơi cư trú mới, thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ nơi cư trú nên căn cứ vào khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Nguyễn Văn H2** vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Võ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8813472/HĐTD ngày 05/6/2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 01), Giấy đề nghị vay lưu vụ kiêm hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2019/8813472/HĐTD ngày 26/4/2019 thì nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 180.000.000 đồng. Mục đích vay chăm sóc tiêu, cà phê. Thời hạn cho vay 11 tháng kể từ ngày 05/5/2019 đến ngày 05/4/2020. Lãi suất cho vay là 10,2%/năm được cố định đến ngày 31/7/2019, sau đó được điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và mức lãi suất của nguyên đơn áp dụng theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

[6] Để đảm bảo cho khoản vay, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8813472/HĐBĐ ngày 05/8/2016 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng thế chấp số 01) và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8813472/HĐBĐ ngày 05/8/2016. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện C ngày 08/8/2016.

[7] Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 117, 298, 357, 398, 463, 468, 501, 502 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, các Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2013 nên có hiệu lực.

[8] Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 01 nên toàn bộ khoản vay của bị đơn bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 19/03/2020. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại các Điều 8, 9 Hợp đồng tín dụng số 01 và quy định tại các Điều 288, 289, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Theo Bảng kê tính lãi ngày 05/4/2024 thì tính đến ngày 05/4/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 296.280.487 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 180.000.000 đồng, nợ lãi 116.280.487 đồng. Căn cứ nhận định tại mục [8], Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi này theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng theo Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ trong quá trình giải quyết vụ án xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bị đơn thế chấp cho nguyên đơn có hiện trạng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, không có tranh chấp và còn thời hạn sử dụng đất. Tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp số 01 các bên có thỏa thuận về xử lý tài sản bảo đảm. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 6 Điều 320 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để bên nhận thế chấp xử lý. Vì vậy khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế

chấp của bị đơn để thu hồi nợ.

[12] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng do bị đơn chịu theo quy định tại các Điều 156, 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền này và không phải trả lãi chậm trả do nguyên đơn không yêu cầu.

[13] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 40, Điều 117, Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 90, 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1**.

2. Buộc ông **Võ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T1** phải liên đới trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** (thông qua **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh P1 - Phòng G**) toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 05/4/2024 là 296.280.487 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn 180.000.000 đồng, nợ lãi 116.280.487 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho

vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông **Võ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T1** không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8813472/HĐBĐ ngày 05/8/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/8813472/HĐBĐ ngày 05/8/2016 để thu hồi nợ.

4. Buộc ông **Võ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T1** phải liên đới trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** (thông qua **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh P1 - Phòng G**) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ông **Đ** và bà **T1** không phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền này.

5. Buộc ông **Võ Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị T1** phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là **14.814.024 đồng**.

Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1** (thông qua **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ1 - Chi nhánh P1 - Phòng G**) toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 9.182.932 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001291 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CCTHADS huyện Chư Pưh;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nay Lu Vinh

Thành viên Hội đồng xét xử

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Xuân Toàn

Siu Thun Phrô

Nay Lu Vinh

Thành viên Hội đồng xét xử

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Xuân Toàn

Siu Thun Phrô

Nay Lu Vinh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Chư Pưh;
- CCTHADS huyện Chư Pưh;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nay Lu Vinh